

Full name: _____

TRANSLATION FOR TOURISM

New words & structures

Find the most suitable Vietnamese equivalents and then write the best ones (A, B, C, etc) into ANSWERS column.

English	Vietnamese equivalents	Answers
1. To rank 12th among the most populous countries	A. Lấy làm vinh dự	1.
2. Population density	B. Hội thảo quốc tế	2.
3. Unevenly distributed	C. Về địa hình	3.
4. To be fond of learning/ to be inquisitive of	D. Tiềm năng phát triển du lịch	4.
5. To be flexible/adaptive to changes	E. Chạy suốt chiều dài	5.
6. Demography	F. Có chung biên giới với	6.
7. Unique tourist attractions	G. Phát triển du lịch	7.
8. To be honoured to do st/ have the honour of doing st	H. Kéo dài, trải dài 1600 km	8.
9. International workshop/ conference	I. Điểm vài nét	9.
10. To promote tourism	J. Nhân khẩu học	10.
11. Tourism potentialities	K. Mật độ dân số	11.
12. To give an outline of/to make a general survey of/to mention st about	L. Đỉnh cao nhất	12.
13. To extent/to stretch 1,600 km from	M. Bồi đắp nên cánh đồng	13.
14. To share a common border with	N. Những đặc điểm du lịch riêng	14.
15. Geographically/ typographically	O. Phụ lưu	15.
16. Tributary	P. Phân bố không đều	16.
17. To raise the level of the fields/to form itself into the fields	Q. Địa hình đồi núi	17.
18. Hilly terrace/Hills mountains	R. Dễ tiếp thu cái mới	18.
19. The highest peak	S. Đứng thứ 12 trong số các nước đông dân nhất	19.
20. To extend/run along/ the full length of	T. Hiếu học	20.